

**NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *27* /2014/TT-NHNN

Hà Nội, ngày *18* tháng *9* năm 2014

THÔNG TƯ

Về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 156/2013/NĐ-CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/2/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng;

Theo đề nghị của Tổng giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam,

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành Thông tư về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2010/TT-NHNN ngày 25/6/2010 về hướng dẫn thi hành Nghị định số 10/2010/NĐ-CP ngày 12/02/2010 của Chính phủ về hoạt động thông tin tín dụng.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 16/2010/TT-NHNN như sau:

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Có đội ngũ quản lý là những người có trình độ chuyên môn về tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin, cụ thể:

a) Đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên hợp danh

Có bằng đại học hoặc trên đại học, trong đó: có ít nhất 50% số thành viên có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất ba (03) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin;

b) Đối với Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên

Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất ba (03) năm làm việc trực

tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin;

c) Đối với Tổng giám đốc (Giám đốc)

Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất ba (03) năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin;

d) Đối với Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc)

Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất hai (02) năm giữ chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin;

đ) Đối với thành viên Ban Kiểm soát

Có bằng đại học hoặc trên đại học về một trong các chuyên ngành tài chính, ngân hàng, công nghệ thông tin và có ít nhất hai (02) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, kế toán, kiểm toán, ngân hàng hoặc công nghệ thông tin;

e) Thời gian làm việc trực tiếp trong lĩnh vực công tác quy định tại các điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này là thời gian được tuyển dụng, bổ nhiệm hoặc phân công làm việc trong lĩnh vực đó;

g) Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản 3 Điều này, người được bổ nhiệm vào các chức danh thuộc đội ngũ quản lý phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định pháp luật hiện hành.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Doanh nghiệp lập năm (05) bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện cho Ngân hàng Nhà nước (qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng), trong đó:

a) Có tối thiểu hai (02) bộ hồ sơ mà trong đó:

i) Các giấy tờ quy định tại điểm a, điểm c(iii), c(iv), c(v), c(vii) khoản 1 Điều này và bản lý lịch tóm tắt của đội ngũ quản lý theo mẫu 02/TTTD là bản chính;

ii) Các giấy tờ còn lại quy định tại khoản 1 Điều này là bản sao. Trường hợp các giấy tờ là bản sao mà không phải là bản sao có chứng thực, bản sao được cấp từ sổ gốc thì doanh nghiệp phải xuất trình kèm theo bản chính để đối chiếu, người đối chiếu phải ký xác nhận vào bản sao và chịu trách nhiệm về tính chính xác của bản sao so với bản chính.

b) Các bộ hồ sơ còn lại do doanh nghiệp sao chụp từ các giấy tờ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này và đóng dấu giáp lai.”

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 7 như sau:

“Điều 7. Trình tự thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận

1. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận; làm đầu mối, phối hợp với Trung tâm Thông tin tín dụng

Quốc gia Việt Nam, Cục Công nghệ tin học, Vụ Pháp chế thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận.

2. Trình tự thẩm định:

a) Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tiếp nhận, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận. Trong thời hạn năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận của doanh nghiệp, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng xử lý như sau:

i) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng có văn bản yêu cầu doanh nghiệp bổ sung giấy tờ, tài liệu theo quy định;

ii) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng thẩm định các điều kiện về vốn điều lệ, đội ngũ quản lý, năng lực quản lý rủi ro của doanh nghiệp và có văn bản đề nghị các đơn vị liên quan phối hợp thẩm định các nội dung:

- Cục Công nghệ tin học có ý kiến thẩm định các điều kiện về cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin; quy trình công nghệ, phần mềm tin học xử lý, lưu giữ thông tin, cung cấp sản phẩm dịch vụ đáp ứng yêu cầu bảo mật, an toàn thông tin của doanh nghiệp đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Vụ Pháp chế có ý kiến thẩm định về hồ sơ, thủ tục, các vấn đề pháp lý liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận;

- Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam có ý kiến thẩm định các điều kiện về phương án kinh doanh; nội dung văn bản thoả thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa doanh nghiệp với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết.

b) Trong thời hạn tối đa mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng, các đơn vị tham gia thẩm định hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận phải có ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi cho Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng.

c) Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ ý kiến thẩm định của các đơn vị, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng tổng hợp ý kiến, soạn thảo văn bản trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước (Thống đốc) quyết định cấp Giấy chứng nhận; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 8 như sau:

“2. Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm giữ gìn, bảo quản Giấy chứng nhận nguyên vẹn trong suốt quá trình hoạt động. Trường hợp Giấy chứng nhận bị mất, bị cháy toàn bộ, bị rách, hoặc bị hư hỏng dưới các hình thức khác, Công ty thông tin tín dụng lập một (01) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị xem xét cấp lại Giấy chứng nhận, cụ thể như sau:

a) Trường hợp bị mất, bị cháy toàn bộ Giấy chứng nhận, hồ sơ gồm:

i) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó trình bày rõ lý do bị mất, bị cháy;

ii) Văn bản xác nhận của cơ quan công an có thẩm quyền về việc Công ty thông tin tín dụng khai báo mất hoặc bị cháy toàn bộ Giấy chứng nhận của Công ty thông tin tín dụng.

b) Trường hợp bị rách hoặc bị hư hỏng dưới các hình thức khác, hồ sơ gồm:

i) Văn bản đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận, trong đó trình bày rõ lý do bị rách, bị hư hỏng;

ii) Giấy chứng nhận đã bị rách, bị hư hỏng.

c) Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ của Công ty thông tin tín dụng, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc xem xét, cấp lại Giấy chứng nhận.”

5. Sửa đổi, bổ sung Điều 10 như sau:

“Điều 10. Hồ sơ đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận

1. Công ty thông tin tín dụng lập một (01) bộ hồ sơ gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến Ngân hàng Nhà nước (thông qua Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng) đề nghị xem xét chấp thuận thay đổi nội dung Giấy chứng nhận gồm:

a) Văn bản đề nghị thay đổi nội dung Giấy chứng nhận của Công ty thông tin tín dụng, trong đó nêu rõ lý do, sự cần thiết của việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận;

b) Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên về việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận;

c) Các văn bản, giấy tờ chứng minh việc tiếp tục duy trì đủ điều kiện hoạt động trong trường hợp nội dung đề nghị thay đổi tại Giấy chứng nhận có liên quan đến điều kiện hoạt động của Công ty thông tin tín dụng (việc thay đổi liên quan đến điều kiện hoạt động nào thì bổ sung các tài liệu chứng minh việc đáp ứng điều kiện đó). Tùy từng trường hợp thay đổi cụ thể, Công ty thông tin tín dụng gửi văn bản, giấy tờ là bản chính hoặc bản sao theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

Ví dụ: Thay đổi về người đại diện theo pháp luật thì bổ sung tài liệu chứng minh người đó đáp ứng điều kiện quy định; thay đổi về vốn điều lệ phải có tài liệu chứng minh nguồn tiền tăng vốn là có thực và số vốn điều lệ sau khi thay đổi không thấp hơn 30 tỷ đồng...

d) Các văn bản, giấy tờ khác chứng minh việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận (nếu có).

2. Trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng trình Thống đốc xem xét, quyết định việc thay đổi nội dung Giấy chứng nhận; trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.”

6. Sửa đổi, bổ sung Điều 17 như sau:

“Điều 17. Báo cáo hoạt động thông tin tín dụng

1. Công ty thông tin tín dụng có trách nhiệm gửi Ngân hàng Nhà nước các báo cáo sau:

- a) Báo cáo tài chính quý, năm theo quy định pháp luật;
- b) Báo cáo tình hình hoạt động, trong đó bao gồm các nội dung tối thiểu sau: danh mục, cơ cấu sản phẩm; danh sách chi tiết nguồn thu thập thông tin; danh sách các tổ chức cấp tín dụng cam kết cung cấp thông tin; số lượng khách hàng vay theo từng nhóm khách hàng (doanh nghiệp vừa và nhỏ, hộ gia đình, cá nhân); số lượng sản phẩm cung cấp cho từng nhóm đối tượng sử dụng; tình hình vận hành thiết bị công nghệ, bảo đảm an toàn thông tin dữ liệu;
- c) Báo cáo khi xảy ra sự cố lớn về tin học (như hỏng, trục trặc về phần mềm/phần cứng; hệ thống mạng bị hack... khiến hệ thống không còn đáng tin cậy, hoạt động bất bình thường), hoặc khi có một trong những thay đổi sau: đội ngũ quản lý; thoả thuận về quy trình thu thập, xử lý, lưu giữ và cung cấp thông tin tín dụng giữa Công ty thông tin tín dụng với các tổ chức cấp tín dụng đã cam kết; cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin;
- d) Các báo cáo khác theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước.

2. Thời hạn gửi báo cáo:

- a) Các báo cáo quy định tại điểm a, b khoản 1 Điều này thực hiện định kỳ theo quý, năm. Trong đó, báo cáo quý phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước trước ngày 20 của tháng liền kề sau quý báo cáo; báo cáo năm phải gửi cho Ngân hàng Nhà nước trước ngày 15 tháng 2 của năm liền kề sau năm báo cáo;
- b) Các báo cáo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này thực hiện chậm nhất sau bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày có thay đổi trừ trường hợp báo cáo khi xảy ra sự cố lớn về tin học thì phải báo cáo ngay trong ngày xảy ra sự cố. Nếu sự cố xảy ra vào ngày nghỉ hàng tuần hoặc ngày lễ thì báo cáo trong ngày làm việc đầu tiên sau kỳ nghỉ.

3. Công ty thông tin tín dụng gửi các báo cáo theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước.

4. Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng là đầu mối tiếp nhận các báo cáo của Công ty thông tin tín dụng và có trách nhiệm gửi cho các đơn vị có liên quan của Ngân hàng Nhà nước để phục vụ hoạt động quản lý nhà nước về hoạt động thông tin tín dụng.”

Điều 2. Thay thế cụm từ “Trung tâm Thông tin tín dụng” tại khoản 5 Điều 4, điểm d khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 16, Điều 19 của Thông tư 16/2010/TT-NHNN bằng cụm từ “Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam”.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 11 năm 2014.

Điều 4. Tổ chức thi hành

Chánh Văn phòng, Chánh Thanh tra, giám sát ngân hàng, Tổng Giám đốc Trung tâm Thông tin tín dụng Quốc gia Việt Nam, Thủ trưởng các đơn vị thuộc

Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) tổ chức tín dụng, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty thông tin tín dụng chịu trách nhiệm tổ chức thi hành Thông tư này. *17*

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban Lãnh đạo NHNN;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Công báo;
- Lưu: VP, VPC, TTDD. *17*

17 **THÔNG ĐỐC**
PHÓ THÔNG ĐỐC



Nguyễn Phước Thành